

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

Thực hiện Khâu đột phá về xây dựng, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại giai đoạn 2026 - 2030

Để tổ chức triển khai thực hiện Khâu đột phá về xây dựng, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại giai đoạn 2026 - 2030, tạo động lực quan trọng thúc đẩy tỉnh Thanh Hóa phát triển nhanh, bền vững theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2026 - 2030, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Chương trình hành động thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Khâu đột phá về xây dựng, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại giai đoạn 2026 - 2030; làm cơ sở để lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh theo hướng đồng bộ, hiện đại, có trọng tâm, trọng điểm, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của tỉnh Thanh Hóa trong giai đoạn mới.

2. Nội dung Chương trình hành động bám sát Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, các quy hoạch, chiến lược, chương trình, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương và phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, điều kiện thực tiễn của tỉnh; bảo đảm tính khả thi, công khai, minh bạch, xác định rõ lộ trình, nguồn lực, cơ chế tổ chức thực hiện và trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, từng địa phương, cơ quan, đơn vị.

3. Việc tổ chức thực hiện Chương trình phải bảo đảm tính đồng bộ, hiện đại, liên thông giữa các lĩnh vực hạ tầng; gắn phát triển hạ tầng với chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, bảo vệ môi trường, quốc phòng, an ninh, nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân; là căn cứ để các cấp, các ngành, địa phương xây dựng kế hoạch, đề án, dự án cụ thể, đồng thời làm cơ sở để theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kết cấu hạ tầng trên địa bàn tỉnh.

II. MỤC TIÊU

1. **Mục tiêu tổng quát:** Huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực để tạo đột phá trong xây dựng, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, có trọng tâm, trọng điểm; bảo đảm tính liên thông, kết nối chặt chẽ giữa hạ tầng của tỉnh với hạ tầng quốc gia, giữa các trung tâm kinh tế động lực, các hành lang kinh tế, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và các vùng trong tỉnh; từng bước khắc phục các điểm nghẽn, bất cập về hạ tầng, nâng cao năng lực cạnh tranh và sức

hấp dẫn trong thu hút đầu tư. Ưu tiên phát triển hạ tầng giao thông, hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, hạ tầng đô thị, hạ tầng số, hạ tầng thủy lợi, phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu; quan tâm đầu tư hạ tầng thiết yếu khu vực miền núi, vùng khó khăn, bảo đảm kết nối, thu hẹp chênh lệch về điều kiện phát triển giữa các vùng, miền; tạo nền tảng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân, bảo đảm quốc phòng, an ninh trong giai đoạn 2026 - 2030.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Về phát triển hạ tầng giao thông: Phân đầu giai đoạn 2026 - 2030, đầu tư nâng cấp, cải tạo, sửa chữa khoảng 400 km đường quốc lộ, đường tỉnh; 100% đường xã được cứng hóa; phát triển Cảng tổng hợp quốc tế Nghi Sơn gắn với dịch vụ vận tải, kho cảng, logistics; phát triển Cảng hàng không Thọ Xuân đáp ứng công suất khoảng 5 triệu lượt hành khách/năm.

2.2. Về hạ tầng kỹ thuật đô thị: Từng bước hoàn thiện đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị theo quy hoạch, trọng tâm là giao thông đô thị, thoát nước, chiếu sáng, cây xanh, bãi đỗ xe, vận tải công cộng và các công trình kỹ thuật thiết yếu; giảm ùn tắc giao thông, ngập úng cục bộ tại các khu vực trung tâm, trọng điểm, nâng cao chất lượng môi trường sống và khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu.

2.3. Về hạ tầng Khu kinh tế Nghi Sơn, khu công nghiệp, cụm công nghiệp: Phân đầu đến năm 2030, cơ bản hình thành hệ thống hạ tầng Khu kinh tế Nghi Sơn đồng bộ, hiện đại; hoàn chỉnh hạ tầng khu công nghiệp đạt khoảng 1.400 ha; có ít nhất 30 cụm công nghiệp hoàn thành đầu tư hạ tầng, đi vào hoạt động, đạt tỷ lệ lấp đầy từ 70% diện tích trở lên.

2.4. Về hạ tầng công nghệ thông tin và chuyển đổi số: Phân đầu 100% cơ quan nhà nước kết nối nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh; 100% hệ thống thông tin của tỉnh được giám sát an toàn thông tin tập trung; 100% thôn, bản được kết nối cáp quang; 100% người sử dụng có khả năng truy nhập băng rộng cố định tốc độ trên 1 Gbps; thuê bao Internet cáp quang hộ gia đình đạt tốc độ trên 200 Mbps; 99% dân số được phủ sóng mạng băng rộng di động 5G và sẵn sàng cho mạng di động thế hệ tiếp theo.

2.5. Về hạ tầng năng lượng: Phân đầu trước năm 2028 hoàn thành đầu tư xây dựng, đưa vào vận hành 04 dự án năng lượng, tổng công suất 146 MW; hoàn thành lựa chọn nhà đầu tư, đẩy nhanh thủ tục đầu tư, giải phóng mặt bằng để khởi công 04 dự án năng lượng, tổng công suất 1.660 MW; nâng cao năng lực truyền tải, phân phối điện, bảo đảm cung cấp năng lượng ổn định, an toàn, hiệu quả.

2.6. Về hạ tầng thủy lợi và ứng phó với biến đổi khí hậu: Nâng cao năng lực hệ thống thủy lợi, đê điều, hồ đập, tiêu thoát lũ, cấp nước, phòng, chống thiên tai; bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn công trình thủy lợi, đê điều; tăng diện tích tiêu chủ động, nâng cao năng lực trữ nước, tưới, tiêu, thoát nước cho sản xuất, dân sinh, đô thị và các ngành kinh tế.

2.7. Về hạ tầng khu vực miền núi: Phân đầu đến năm 2030, 100% đường trục

chính thôn được cứng hóa; 100% thôn có đường ô tô đến trung tâm xã hoặc kết nối với trục đường chính; 100% hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia hoặc nguồn điện phù hợp; 100% đồng bào dân tộc thiểu số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh và được tiếp cận dịch vụ y tế cơ bản; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, ATK, CT229 có nhu cầu được đầu tư trường dân tộc nội trú liên cấp tiểu học và trung học cơ sở theo lộ trình, khả năng cân đối nguồn lực.

2.8. Về hạ tầng thương mại, y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao, du lịch và môi trường: Phát triển đồng bộ hạ tầng thương mại, y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao, du lịch và môi trường theo hướng hiện đại, bền vững, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng dịch vụ, chăm sóc sức khỏe Nhân dân, phát triển nguồn nhân lực, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa, phát triển du lịch và bảo vệ môi trường. Phấn đấu đến năm 2030, toàn tỉnh có 1.743/1.970 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 88,5%; 100% đơn vị hành chính cấp xã có cơ sở vật chất văn hóa; từ 20% - 30% trở lên số xã có Trung tâm Văn hóa - Thể thao đạt chuẩn; tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị đạt 98%; 100% cơ sở có nguồn thải lớn thuộc diện phải lắp đặt hệ thống quan trắc tự động chất thải hoàn thành việc lắp đặt, truyền dữ liệu ổn định về cơ quan quản lý để giám sát theo quy định; 100% cơ sở sản xuất, trang trại chăn nuôi quy mô lớn có đầy đủ công trình xử lý môi trường theo quy định.

III. NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN CÁC LĨNH VỰC HẠ TẦNG CHỦ YẾU

1. Về phát triển hạ tầng giao thông

1.1. Về hạ tầng giao thông đường bộ

a) *Đối với hệ thống quốc lộ:* Chủ động phối hợp, đề xuất với các bộ, ngành Trung ương từng bước đầu tư nâng cấp, cải tạo các tuyến Quốc lộ trên địa bàn tỉnh theo quy hoạch được duyệt; ưu tiên các tuyến có lưu lượng phương tiện lớn, giữ vai trò kết nối quan trọng, như: Quốc lộ 1A đoạn từ cầu Ghép đến Khe Nước Lạnh, Quốc lộ 10, Quốc lộ 45, Quốc lộ 47 đoạn từ đường Hồ Chí Minh đến cửa khẩu Kheo, Quốc lộ 47B, Quốc lộ 47C, Quốc lộ 217B, Quốc lộ 217 đoạn từ Quốc lộ 1 đến đường Hồ Chí Minh. Đồng thời, rà soát, đề xuất đầu tư xây dựng, thay thế các cầu yếu, cầu không đáp ứng tải trọng khai thác trên hệ thống quốc lộ, bảo đảm an toàn giao thông, nâng cao năng lực vận tải và khả năng kết nối liên vùng.

b) *Đối với hệ thống đường địa phương*

- Huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực để đầu tư xây dựng mới các công trình giao thông có tính kết nối liên vùng; nâng cấp các tuyến đường tỉnh, đường đô thị, đường trục chính, đường kết nối các khu du lịch, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vùng sản xuất tập trung, tạo đột phá về phát triển hạ tầng đường bộ của tỉnh. Tập trung đầu tư nâng cấp, cải tạo các tuyến đường tỉnh đạt quy mô đường cấp III - IV, từ 02 - 04 làn xe; đối với các tuyến có lưu lượng giao thông lớn, phấn đấu đạt quy mô tối thiểu đường cấp III, từ 04 - 06 làn xe. Tiếp tục rà soát, nâng cấp các tuyến đường huyện đủ điều kiện lên đường tỉnh, bảo đảm tiêu chí theo quy định; đồng thời, đầu tư nâng cấp các tuyến đường đô thị, đường trục chính và đường kết nối các khu du lịch, khu vực phát triển động lực.

- Ưu tiên đầu tư thay thế các cầu trên đường tỉnh không đáp ứng tải trọng khai thác; xây dựng cầu dân sinh kết nối các khu vực dân cư thường xuyên bị chia cắt do thiên tai, mưa lũ tại khu vực miền núi; từng bước thay thế các cầu treo hư hỏng, có nguy cơ mất an toàn giao thông bằng cầu bê tông cốt thép. Nghiên cứu đầu tư các tuyến đường kết nối liên xã, liên vùng và các công trình giao thông nhằm giảm ùn tắc tại khu vực đô thị, khu vực đông dân cư.

- Tập trung hoàn thành, sớm đưa vào khai thác các dự án giao thông trọng điểm chuyển tiếp, gồm: Đường bộ ven biển đoạn Nga Sơn - Hoằng Hóa; đường giao thông từ Khu công nghiệp Bim Sơn đến đường bộ ven biển đoạn Nga Sơn - Hoằng Hóa; đường từ ngã ba Voi đi Sầm Sơn; đường nối thành phố Thanh Hóa với Cảng hàng không Thọ Xuân đoạn từ cầu Nỏ Hên đến ĐT.514; đường từ trung tâm thành phố Thanh Hóa với Cảng hàng không Thọ Xuân đoạn từ ĐT.514 đến đường vào Cảng hàng không Thọ Xuân; đường giao thông nối Quốc lộ 217 với Quốc lộ 45 và Quốc lộ 47; đường giao thông từ Quốc lộ 47 đến đường Hồ Chí Minh.

- Nghiên cứu, đề xuất đầu tư các tuyến đường kết nối các trục giao thông chính của tỉnh với các nút giao đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, nhằm nâng cao năng lực kết nối liên vùng, mở rộng không gian phát triển và phát huy hiệu quả hệ thống hạ tầng giao thông chiến lược.

1.2. Về hạ tầng cảng biển và giao thông đường thủy nội địa: Hoàn thành dự án nạo vét luồng tàu ra, vào cảng khu bến Nam Nghi Sơn; phối hợp, đề xuất với Bộ Xây dựng nạo vét luồng ra, vào cảng Lễ Môn, luồng khu vực Quảng Nham - Hải Châu; kêu gọi đầu tư xây dựng mới các cảng Quảng Châu, Quảng Nham - Hải Châu, Lạch Sung theo quy hoạch. Phối hợp với Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam triển khai các dự án nạo vét, thanh thải luồng tuyến đường thủy nội địa; thu hút đầu tư bến thủy nội địa, bến phao neo đậu trong vùng nước cảng biển, phát triển vận tải thủy nội địa và vận tải ven biển an toàn, thông suốt, hiệu quả.

1.3. Về hạ tầng hàng không: Trên cơ sở quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phối hợp với các bộ, ngành Trung ương kêu gọi đầu tư các hạng mục tại Cảng hàng không Thọ Xuân, gồm: đường cất hạ cánh số 2, nhà ga hành khách T2, nhà ga hàng hóa, hangar bảo dưỡng, sửa chữa máy bay, khu dịch vụ hàng không và các công trình phụ trợ; nâng cao năng lực khai thác, đáp ứng yêu cầu vận chuyển hành khách, hàng hóa của tỉnh và khu vực.

1.4. Về hạ tầng logistics: Đầu tư hoàn thiện hệ thống cảng biển Thanh Hóa theo quy hoạch; kêu gọi đầu tư Trung tâm logistics cấp vùng tại Nghi Sơn, trọng tâm là Trung tâm logistics Trường Lâm kết hợp cảng cạn ICD và ga đường sắt; các trung tâm logistics cấp tỉnh tại khu vực phía Tây thành phố Thanh Hóa trước đây và khu công nghiệp Lam Sơn - Sao Vàng. Thu hút đầu tư hệ thống bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ theo hình thức xã hội hóa; hoàn thiện mạng lưới dịch vụ hỗ trợ vận tải, tăng cường kết nối đa phương thức, nâng cao năng lực lưu thông hàng hóa và năng lực cạnh tranh logistics của tỉnh.

2. Về phát triển hạ tầng đô thị

- Rà soát, cập nhật, hoàn thiện quy hoạch giao thông, quy hoạch đô thị theo hướng đồng bộ với tổ chức không gian phát triển đô thị; phân luồng giao thông hợp lý, bảo đảm kết nối giữa các trục chính, khu dân cư, khu chức năng và các khu vực phát triển mới. Cập nhật đầy đủ địa hình, số liệu thủy văn, xác định và bảo vệ các vùng trũng thấp, ao, hồ, đầm, không gian trữ nước tự nhiên; kiểm soát chặt chẽ việc san lấp, lấn chiếm trái phép, góp phần nâng cao khả năng tiêu thoát nước và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Tập trung đầu tư nâng cấp, mở rộng các trục giao thông chính, đường vành đai, đường gom, nút giao khác mức, cầu vượt và các công trình kết nối đô thị; ưu tiên xử lý ùn tắc tại các khu vực trung tâm, nhất là phường Hạc Thành, phường Hàm Rồng. Giai đoạn 2026 - 2030, tập trung hoàn thành các công trình, dự án trọng điểm như: Đại lộ Đông Tây đoạn từ sông Nhà Lê đến Quốc lộ 47; nâng cấp, mở rộng đường ĐT.501 (đường Trường Thi - Hàm Rồng), kết nối trung tâm phường Hạc Thành với đường vành đai; nghiên cứu đầu tư các công trình giảm ùn tắc tại khu vực Dương Đình Nghệ - Đội Cung - Mai An Tiêm/Hàm Nghi, 02 cầu kết nối hai bờ sông Hạc, cầu vượt nút giao ngã năm Đình Hương trên Vành đai phía Tây, cầu vượt qua đường Quang Trung tại nút giao với Đại lộ Đông Tây. Đồng thời, hoàn thiện hệ thống giám sát, camera và trung tâm điều khiển giao thông đô thị.

- Ưu tiên đầu tư các dự án chống ngập úng cục bộ và từng bước hình thành hệ thống thoát nước đô thị đồng bộ, hiện đại; trước mắt tập trung xử lý các điểm ngập tại Ngã tư Bưu điện tỉnh, các tuyến đường Hàn Thuyên, Lê Quý Đôn, Dương Đình Nghệ, Hải Thượng Lãn Ông; nạo vét kênh tiêu Mật Sơn; xử lý ngập lụt cục bộ, bảo vệ và chỉnh trang cây xanh đô thị trên địa bàn phường Hạc Thành. Nghiên cứu đầu tư các dự án chống ngập tổng thể tại các phường trung tâm; xây dựng, nâng cấp các trục thoát nước chính, trạm bơm, hồ điều hòa; thường xuyên nạo vét, khơi thông hệ thống kênh, mương, cống, rãnh hiện có, bảo đảm tiêu thoát nước, an toàn đô thị và nâng cao chất lượng môi trường sống.

3. Về phát triển hạ tầng Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp

a) Về hạ tầng Khu kinh tế Nghi Sơn:

- Tiếp tục huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực để đầu tư đồng bộ, hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng thiết yếu trong Khu kinh tế Nghi Sơn, gồm: giao thông, cấp điện, cấp nước, thoát nước, xử lý môi trường, thông tin và truyền thông; ưu tiên phát triển hạ tầng cảng biển, bến cảng tổng hợp, bến container, bến chuyên dụng thuộc Cảng Nghi Sơn¹, đáp ứng yêu cầu phát triển công nghiệp, dịch vụ cảng biển và logistics.

¹ Gồm: (1) Bến cảng container Long Sơn: Số lượng cầu cảng/chiều dài là 4/1.018; cỡ tàu 100.000 tấn; công suất 6,4÷10 triệu tấn; diện tích vùng đất 63,9 ha; diện tích vùng nước 15,3 ha; (2) Bến cảng Ga&LNG và các loại hình phụ trợ lọc hóa dầu Nghi Sơn: Số lượng cầu cảng/chiều dài là 4/990; cỡ tàu 100.000 tấn; công suất 2,9÷4,2 triệu tấn; diện tích vùng đất 22,4 ha; diện tích vùng nước 7,2 ha; (3) Bến cảng phục vụ kho đầu mối LPG và nhựa đường lỏng: Số lượng cầu cảng/chiều dài là 1/200; cỡ tàu 10.000 tấn hoặc lớn hơn khi đủ điều kiện; công suất 0,1 triệu tấn; diện tích vùng đất 6,8 ha; diện tích vùng nước 1,7 ha.

- Tập trung triển khai, hoàn thành các dự án hạ tầng trọng điểm, như: Tuyến đường Đông Tây; tuyến đường ven biển đoạn kết nối đường 513 với các khu bến cảng phía Nam Khu kinh tế Nghi Sơn; dự án nạo vét luồng tàu vào Cảng Nghi Sơn và các công trình kết nối quan trọng khác. Đẩy mạnh thu hút đầu tư Trung tâm logistics cấp vùng tại Khu kinh tế Nghi Sơn, hệ thống kho bãi phục vụ vận tải biển, logistics; mở rộng các tuyến khai thác container mới, nâng cao năng lực lưu thông hàng hóa.

- Đầu tư đồng bộ hệ thống xử lý nước thải, chất thải, bảo vệ môi trường; phối hợp với ngành điện, ngành viễn thông và các doanh nghiệp hạ tầng triển khai hệ thống cấp điện, thông tin liên lạc theo quy hoạch được duyệt, bảo đảm nhu cầu sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt trong Khu kinh tế Nghi Sơn.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả Đề án giải phóng mặt bằng, đầu tư xây dựng các khu tái định cư và giải phóng mặt bằng các khu công nghiệp trong Khu kinh tế Nghi Sơn; tập trung hoàn thiện các khu tái định cư đã triển khai, đồng thời rà soát nhu cầu đến năm 2030 để nghiên cứu đầu tư thêm các khu tái định cư mới, đáp ứng yêu cầu giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư cho các dự án. Quan tâm huy động nguồn lực đầu tư nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, góp phần bảo đảm an sinh, ổn định lao động và phát triển bền vững Khu kinh tế Nghi Sơn.

b) Về hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp:

- Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch để bàn giao cho nhà đầu tư hạ tầng; đôn đốc, hỗ trợ các nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện, sớm hoàn thành hệ thống hạ tầng kỹ thuật các khu công nghiệp lớn đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, gồm: Khu công nghiệp Bim Sơn, diện tích 524,29 ha; Khu công nghiệp Lam Sơn - Sao Vàng, diện tích 533,68 ha; Khu công nghiệp WHA Smart Technology, diện tích 178,51 ha; Khu công nghiệp WHA Smart Technology 2, diện tích 174,9 ha; Khu công nghiệp Thăng Long Thanh Hóa giai đoạn 1, diện tích 167 ha; các khu công nghiệp trong Khu kinh tế Nghi Sơn, như: Khu công nghiệp số 3, diện tích 247 ha; Khu công nghiệp Đồng Vàng, diện tích 491,9 ha và các cụm công nghiệp đã được thành lập.

- Đẩy mạnh kêu gọi, thu hút các nhà đầu tư có năng lực thực hiện đầu tư hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo Quy hoạch tỉnh² và các quy hoạch, phương án phát triển được phê duyệt; ưu tiên phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo mô hình hiện đại, xanh, thông minh, thân thiện môi trường, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và ứng dụng công nghệ số trong quản lý, vận hành.

4. Về phát triển hạ tầng công nghệ thông tin và chuyển đổi số

- Tập trung đầu tư, nâng cấp hạ tầng số của chính quyền các cấp theo hướng hiện đại, an toàn, liên thông, dùng chung. Nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh thành Trung tâm dữ liệu hiện đại, đáp ứng yêu cầu an toàn, bảo mật, quản lý dữ liệu tập trung và kết nối liên thông với các hệ thống quốc gia; xây dựng nền tảng điện toán đám mây của tỉnh phục vụ vận hành chính quyền số, đô thị thông minh và hỗ

² Gồm: Khu công nghiệp số 16, Khu công nghiệp số 17, Khu công nghiệp số 19, Khu kinh tế Nghi Sơn; Khu công nghiệp được phẩm công nghệ cao Việt Nam - Ấn Độ; Khu công nghiệp Miza; Khu công nghiệp Tân Cảng Thanh Hóa.

trợ chuyển đổi số doanh nghiệp. Phân đầu 100% cơ quan nhà nước kết nối nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh; 100% hệ thống thông tin của tỉnh được giám sát an toàn thông tin tập trung.

- Phát triển hạ tầng dữ liệu đồng bộ, chuẩn hóa, kết nối, chia sẻ hiệu quả giữa các ngành, lĩnh vực, trọng tâm là tài nguyên và môi trường, giáo dục, y tế, tài liệu lưu trữ và các cơ sở dữ liệu thiết yếu khác. Rà soát, phân loại dữ liệu nghiệp vụ chuyên ngành, dữ liệu phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, dữ liệu tổng hợp, thống kê; xác định rõ dữ liệu chủ, dữ liệu gốc, dữ liệu tham chiếu, từng bước xây dựng từ điển dữ liệu theo ngành, lĩnh vực, bảo đảm không trùng lặp, lãng phí và kết nối với cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh, cơ sở dữ liệu quốc gia.

- Phát triển hạ tầng đô thị thông minh, hoàn thiện Trung tâm điều hành đô thị thông minh cấp tỉnh, kết nối đồng bộ với hệ thống điều hành cấp xã, bảo đảm vận hành thống nhất, liên thông dữ liệu. Từng bước xây dựng hệ thống cảm biến, thu thập dữ liệu IoT tại các khu vực trọng điểm, trước mắt là phường Hạc Thành và phường Sầm Sơn, phục vụ quản lý đô thị, môi trường, an ninh, trật tự và cung cấp dịch vụ công.

- Đẩy mạnh phát triển hạ tầng chuyển đổi số doanh nghiệp; xây dựng nền tảng số hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hình thành các kho dữ liệu chuyên ngành phục vụ sản xuất, kinh doanh, như nông nghiệp số, công nghiệp số, du lịch thông minh, logistics số. Hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số trong quản trị, truy xuất nguồn gốc, tự động hóa dây chuyền, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh.

- Nghiên cứu xây dựng Khu kinh tế số và đổi mới sáng tạo tỉnh Thanh Hóa theo mô hình hệ sinh thái công nghệ số, công nghệ cao, dịch vụ số, logistics và dữ liệu; tổ chức thành các phân khu chức năng phù hợp với lợi thế không gian phát triển của tỉnh, gắn với các cực tăng trưởng, khu kinh tế, khu công nghệ cao, đô thị và trung tâm đổi mới sáng tạo.

- Phát triển hạ tầng viễn thông băng rộng, hiện đại, an toàn, sẵn sàng cho các công nghệ thế hệ mới. Phân đầu đến năm 2030, 100% người sử dụng có khả năng truy nhập băng rộng cố định tốc độ trên 1 Gbps; thuê bao FTTH hộ gia đình đạt tốc độ trên 200 Mbps; 100% thôn, bản được kết nối cáp quang; các cơ quan nhà nước, trường học, bệnh viện, khu đô thị, khu công nghệ cao, khu công nghiệp công nghệ thông tin tập trung, trung tâm nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo được kết nối Internet tốc độ cao; 99% dân số được phủ sóng mạng băng rộng di động 5G và sẵn sàng cho mạng di động thế hệ tiếp theo.

- Xây dựng, hoàn thiện hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến phục vụ hoạt động của cấp ủy, chính quyền địa phương hai cấp, bảo đảm đồng bộ, ổn định, thông suốt. Hiện đại hóa hệ thống thông tin cơ sở, phát triển truyền thanh thông minh, từng bước số hóa nguồn thông tin, hình thành cơ sở dữ liệu phục vụ cung cấp thông tin nguồn, tuyên truyền, phổ biến thông tin đến người dân và công tác quản lý nhà nước về thông tin cơ sở.

5. Về phát triển hạ tầng năng lượng

- Tập trung theo dõi, đôn đốc hoàn thành đầu tư xây dựng, đưa vào vận hành trước năm 2028 đối với 04 dự án năng lượng³, tổng công suất 146 MW; hoàn thành lựa chọn nhà đầu tư, đẩy nhanh thủ tục đầu tư xây dựng, bồi thường, giải phóng mặt bằng để khởi công trước năm 2028 đối với 04 dự án⁴, tổng công suất 1.660 MW.

- Đẩy nhanh triển khai các dự án điện khí LNG; tiếp tục kêu gọi, thu hút đầu tư các dự án năng lượng tái tạo theo điều chỉnh Quy hoạch điện VIII được phê duyệt, như: Nhà máy điện gió Bắc Phương - Nghi Sơn, công suất 100 MW; Nhà máy điện gió Mường Lát, công suất 200 MW; Nhà máy điện mặt trời Ngọc Lặc, công suất 45 MW và các dự án phù hợp khác. Tuyên truyền, vận động, huy động nguồn lực phát triển điện mặt trời mái nhà, góp phần bổ sung nguồn năng lượng sạch, phân tán, hiệu quả.

- Theo dõi, đôn đốc, phối hợp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để Tổng Công ty Truyền tải điện quốc gia, Tổng Công ty Điện lực miền Bắc đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp các công trình trạm biến áp, đường dây 220 kV - 500 kV theo điều chỉnh Quy hoạch điện VIII và mạng lưới cấp điện trong Quy hoạch tỉnh.

- Tiếp tục kêu gọi, thu hút đầu tư kho dự trữ quốc gia đối với dầu thô, quy mô 1 triệu tấn; kho xăng dầu, kho LNG tại Khu kinh tế Nghi Sơn theo Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia.

6. Về phát triển hạ tầng thủy lợi và ứng phó với biến đổi khí hậu

- Thường xuyên duy tu, sửa chữa, nâng cấp, bảo đảm an toàn hồ đập, kênh mương, công trình thủy lợi, đê điều; kịp thời xử lý hư hỏng, hạn chế phát sinh sự cố lớn, bảo đảm cấp nước phục vụ sản xuất, sinh hoạt, an toàn công trình và an toàn dân cư, hạ tầng trước thiên tai, bão lũ.

- Ưu tiên nguồn lực đầu tư các công trình thủy lợi, đê điều, phòng, chống thiên tai theo hướng hiện đại, đồng bộ; tập trung nâng cấp hệ thống tiêu thoát lũ⁵, mở rộng cống tiêu Ngọc Quang, cống tiêu Quảng Châu phục vụ tiêu thoát nước cho khu vực thành phố Thanh Hóa trước đây và vùng lân cận. Tiếp tục nghiên cứu, triển khai các dự án lớn, trọng điểm, như: Thủy lợi kết hợp thủy điện Cẩm Hoàng trên sông Mã; hiện đại hóa hệ thống cấp nước Bái Thượng thích ứng với biến đổi khí hậu; cơ sở hạ tầng nước có khả năng chống chịu khí hậu và toàn diện cho các hộ sản xuất nhỏ ở nông thôn tỉnh Thanh Hóa sử dụng vốn vay IFAD và viện trợ không hoàn lại của AF; tuyến đê hữu sông Mã đoạn Quý Lộc - Yên Lâm; đê tả sông Lèn từ K32 xã Nga Bạch đến đê biển xã Nga Thủy.

- Huy động nguồn lực đầu tư, nâng cấp đồng bộ hạ tầng hồ đập, đê điều theo tiêu chuẩn thiết kế, quy hoạch được duyệt; ưu tiên khắc phục khẩn cấp các công trình

³ Gồm: Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt phát điện Thanh Hóa (18MW), Nhà máy thủy điện sông Âm (14MW), Nhà máy thủy điện Tén Tán (12MW), Nhà máy thủy điện Hồi Xuân (102MW).

⁴ Gồm: Nhiệt điện LNG Nghi Sơn (1.500 MW), Nhà máy Điện mặt trời Thanh Hóa 1 (128 MW), Nhà máy Điện rác Thọ Xuân (12MW); Nhà máy Điện rác Nghi Sơn (20MW).

⁵ Sông Hoàng, sông Nhôm, sông Lý, sông Cầu Chày, sông Hoạt, sông Mậu Khê, sông Dừa.

bị ảnh hưởng bởi thiên tai và các dự án đang triển khai trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, xây dựng hệ thống giám sát, quản lý, vận hành công trình thủy lợi, nâng cao hiệu quả phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, cấp nước sinh hoạt, công nghiệp, cải thiện môi trường sinh thái và tăng cường khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu.

7. Về phát triển hạ tầng khu vực miền núi

Tập trung đầu tư phát triển hạ tầng thiết yếu khu vực miền núi theo hướng đồng bộ, bền vững, phù hợp với điều kiện địa hình, dân cư, sản xuất và yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh; ưu tiên các công trình có tính kết nối, phục vụ trực tiếp đời sống Nhân dân, phát triển sản xuất, ổn định dân cư, giảm chênh lệch vùng miền và nâng cao khả năng thích ứng với thiên tai, biến đổi khí hậu. Trong đó:

- Ưu tiên đầu tư xây dựng, nâng cấp đường giao thông từ trung tâm xã đến thôn, bản, đường liên thôn, đường nội vùng; mở mới, cải tạo các tuyến kết nối khu tái định cư, điểm dân cư mới, vùng trồng dược liệu, vùng sản xuất tập trung; phát triển đường tuần tra biên giới và các công trình hạ tầng lưỡng dụng tại các xã biên giới. Thực hiện đầu tư cầu dân sinh kết nối các khu vực thường xuyên bị chia cắt do thiên tai, mưa lũ theo Kết luận số 92-KL/TU ngày 05/12/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; từng bước xây dựng cầu bê tông cốt thép thay thế cầu treo hư hỏng, có nguy cơ mất an toàn giao thông.

- Đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng phục vụ sản xuất, sinh hoạt tại khu vực bố trí dân cư mới, vùng khó khăn; cải tạo, nâng cấp công trình chống sạt lở tại các thôn, bản có nguy cơ cao, bảo vệ an toàn cho cộng đồng dân cư, trường học và công trình thiết yếu.

- Nâng cấp, mở rộng lưới điện sinh hoạt, điện sản xuất; nghiên cứu giải pháp cấp điện phù hợp với địa bàn xa trung tâm, khuyến khích phát triển thủy điện, điện mặt trời áp mái, điện sinh khối gắn với bảo đảm an ninh năng lượng cho phát triển công nghiệp, dịch vụ.

- Đầu tư công trình nước sinh hoạt hợp vệ sinh tại các thôn, bản thiếu nước; hỗ trợ mô hình nước tự chảy, nước tập trung; cải tạo, nâng cấp công trình cấp nước sinh hoạt tập trung xuống cấp thành công trình cấp nước sạch nông thôn đạt quy chuẩn, trọng tâm là 16 xã biên giới của tỉnh.

- Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp trường, lớp học đạt chuẩn, đáp ứng yêu cầu dạy học 02 buổi/ngày, ưu tiên vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú, nhà công vụ giáo viên, nhà ở bán trú, bếp ăn học sinh và các công trình phụ trợ. Tiếp tục triển khai hiệu quả Thông báo kết luận số 81-TB/TW ngày 18/7/2025 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 298/NQ-CP ngày 26/9/2025 của Chính phủ về chủ trương đầu tư xây dựng trường học cho các xã biên giới.

- Đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo trạm y tế xã, bệnh viện đạt chuẩn, nâng cao năng lực chăm sóc sức khỏe, khám, chữa bệnh cho Nhân dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Tập trung xây dựng các khu tái định cư theo Đề án sắp xếp, ổn định dân cư khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất tại các xã miền núi. Đầu tư xây dựng chợ, nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng và các thiết chế thiết yếu khác, góp phần cải thiện điều kiện sinh hoạt, thúc đẩy giao thương, bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa và phát triển du lịch khu vực miền núi.

8. Về các lĩnh vực hạ tầng khác

8.1. Hạ tầng thương mại

- Tập trung hoàn thành, đưa vào hoạt động Trung tâm thương mại Aeon Mall Thanh Hóa; tiếp tục chuyển đổi mô hình quản lý chợ theo hướng văn minh, hiệu quả; đẩy mạnh kêu gọi, thu hút đầu tư các trung tâm thương mại theo Quy hoạch tỉnh.

- Ưu tiên đầu tư các dự án kho xăng dầu, kho khí hóa lỏng phục vụ hoạt động thương mại, như: Kho LPG Nghi Sơn, kho xăng dầu Petrolimex Thanh Hóa và các công trình theo quy hoạch được duyệt. Phát triển hệ thống cửa hàng bán lẻ xăng dầu quy mô lớn tại các tuyến đường mới, khu đô thị mới; từng bước giảm các cửa hàng nhỏ lẻ, không phù hợp quy hoạch; khuyến khích tích hợp dịch vụ tiện ích như nạp điện, sửa chữa, bảo dưỡng xe, bán hàng tự động, ăn uống, bách hóa, bãi đỗ xe trong quá trình cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới.

8.2. Hạ tầng y tế: Đầu tư nâng cấp, mở rộng, hiện đại hóa hệ thống bệnh viện công lập, cơ sở y tế dự phòng, y tế cơ sở và cơ sở trợ giúp xã hội; nghiên cứu đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung, thay thế thiết bị y tế tại các bệnh viện công lập trực thuộc Sở Y tế giai đoạn 2026 - 2030. Nghiên cứu đầu tư mới Bệnh viện Tâm thần quy mô 400 giường bệnh; cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện Đa khoa Quan Hóa, các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa khác, Trung tâm Bảo trợ xã hội số 2; hiện đại hóa Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh; đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị cho trạm y tế xã, phường, nhất là các xã, phường trung tâm. Ưu tiên thu hút đầu tư các bệnh viện tư nhân hiện đại, quy mô lớn, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe Nhân dân.

8.3. Hạ tầng giáo dục

- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất trường học theo hướng đồng bộ, hiện đại, bảo đảm đủ phòng học, phòng chức năng, trang thiết bị dạy học và hạ tầng kỹ thuật thiết yếu; xây dựng Trường THPT chuyên Lam Sơn trở thành trung tâm đào tạo học sinh năng khiếu, bồi dưỡng nhân tài có uy tín, chất lượng cao trong khu vực và cả nước; ưu tiên phát triển hệ thống trường bán trú, nội trú tại khu vực miền núi.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong giáo dục; triển khai hệ thống quản lý trường học tích hợp học bạ số, hệ thống quản lý học tập trực tuyến phục vụ bồi dưỡng, tập huấn giáo viên, công tuyển sinh trực tuyến, cơ sở dữ liệu quản lý bài giảng trực tuyến, học liệu số dùng chung, phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; nghiên cứu mô hình thi trực tuyến tập trung trên nền tảng xác thực bằng căn cước công dân gắn chip điện tử.

- Rà soát, sắp xếp các cơ sở giáo dục đại học hiện có; khuyến khích phát triển cơ sở giáo dục ngoài công lập; xây dựng một số trường cao đẳng nghề trọng điểm đạt chuẩn quốc gia, khu vực; phối hợp với các trường đại học lớn thành lập phân

hiệu tại Thanh Hóa, đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao cho các trụ cột phát triển của tỉnh.

8.4. Hạ tầng văn hóa, thể thao và du lịch

a) Hạ tầng văn hóa, thể thao

- Huy động nguồn lực đầu tư xây dựng các công trình văn hóa, thể thao trọng điểm của tỉnh, như: Khu Liên hợp thể dục thể thao tỉnh, gồm sân vận động tỉnh, nhà thi đấu đa năng, khu thể thao dưới nước tầm cỡ khu vực; Bảo tàng tỉnh, Trung tâm Văn hóa tỉnh và một số công trình cấp tỉnh theo quy hoạch được duyệt.

- Củng cố, nâng cấp hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cấp xã theo quy chuẩn; đầu tư thiết chế văn hóa, thể thao phục vụ công nhân tại khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp; phát triển trung tâm văn hóa - thể thao cộng đồng tại khu vực miền núi. Ưu tiên ngân sách, đẩy mạnh xã hội hóa trong bảo tồn, tu bổ, tôn tạo di tích; xây dựng mô hình phát huy giá trị di sản gắn với du lịch bền vững; tăng cường ứng dụng công nghệ số trong kiểm kê, lập hồ sơ, quản lý, quảng bá và giáo dục di sản văn hóa.

b) Hạ tầng du lịch

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch các khu, điểm du lịch phù hợp với Quy hoạch tỉnh; nghiên cứu lập quy hoạch chung Khu du lịch quốc gia Hải Tiến - Sầm Sơn; ưu tiên đầu tư, nâng cấp hạ tầng đồng bộ, tạo đột phá phát triển Sầm Sơn - Hải Tiến trở thành thương hiệu du lịch quốc gia, gắn phát triển du lịch với bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa, dân tộc.

- Ưu tiên đầu tư hạ tầng phục vụ du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng tại các xã miền núi; phát triển wifi công cộng, camera giám sát, chiếu sáng thông minh, bản đồ số, cơ sở dữ liệu hạ tầng du lịch và mô hình quản lý hạ tầng du lịch thông minh tại các khu, điểm du lịch trọng điểm như Sầm Sơn, Thành Nhà Hồ, Lam Kinh, Bà Triệu. Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ các dự án du lịch trọng điểm, như: Khu du lịch sinh thái Tân Dân; Khu du lịch sinh thái biển và nghỉ dưỡng Flamingo Linh Trường, khu A; khu phức hợp khách sạn - trung tâm thương mại; sân golf Quảng Nham. Tiếp tục xúc tiến, kêu gọi các dự án dịch vụ du lịch quy mô lớn, sản phẩm mới, hấp dẫn vào các khu, điểm du lịch, nhất là các khu du lịch có khả năng bổ sung vào danh mục khu du lịch quốc gia.

8.5. Hạ tầng môi trường: Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các khu xử lý chất thải rắn tập trung tại phường Bim Sơn, phường Sầm Sơn; đầu tư giai đoạn 2 Dự án đốt rác thải sinh hoạt phát điện Nghi Sơn, Thanh Hóa; thu hút đầu tư Khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng công nghệ đốt rác phát điện cấp vùng tại xã Sao Vàng. Triển khai Dự án đầu tư mở rộng, tăng cường năng lực các trạm quan trắc môi trường tự động trên địa bàn tỉnh và bổ sung thiết bị phòng thí nghiệm, nâng cao năng lực kiểm soát ô nhiễm, giám sát môi trường và phục vụ quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

IV. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Hoàn thiện và tổ chức thực hiện hiệu quả quy hoạch, cơ chế, chính sách phát triển kết cấu hạ tầng

- Tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 194-KH/TU ngày 29/3/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy "Về thực hiện Kết luận số 72-KL/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16/01/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ"; các chương trình, đề án, cơ chế, chính sách cụ thể hóa Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị; các cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Thanh Hóa, phát triển vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ; Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Trên cơ sở đó, cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, dự án, lộ trình thực hiện cụ thể, bảo đảm đồng bộ, khả thi, có trọng tâm, trọng điểm, gắn với trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị và người đứng đầu trong tổ chức thực hiện.

- Khẩn trương rà soát, cập nhật, điều chỉnh các quy hoạch đã đến kỳ điều chỉnh; hoàn thành việc lập, trình phê duyệt các quy hoạch phân khu chức năng theo điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn; quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết tại các khu vực có tốc độ đô thị hóa nhanh, khu vực chịu tác động lớn từ các trục giao thông chiến lược, khu kinh tế, khu công nghiệp, khu du lịch, dịch vụ và các không gian phát triển mới; bảo đảm tổ chức không gian hợp lý, sử dụng đất hiệu quả, đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, tạo quỹ đất và dư địa phát triển cho các dự án động lực. Tổ chức lập, điều chỉnh quy hoạch đô thị, nông thôn phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về quy hoạch; quản lý chặt chẽ không gian phát triển, sử dụng đất và đầu tư hạ tầng theo quy hoạch được duyệt. Tăng cường phối hợp giữa các cấp, các ngành, địa phương trong tổ chức thực hiện quy hoạch; thường xuyên kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện, xử lý hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý nghiêm các vi phạm, bảo đảm kỷ luật, kỷ cương trong quản lý và thực hiện quy hoạch.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các cơ chế, chính sách của tỉnh về đất đai, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ đầu tư hạ tầng thiết yếu, đổi mới công nghệ, xây dựng thương hiệu, thu hút đầu tư theo hướng thông thoáng, minh bạch, thủ tục đơn giản, dễ kiểm tra, dễ thực hiện. Thúc đẩy phát triển đồng bộ các loại thị trường, nhất là thị trường lao động, tài chính, bất động sản, bảo đảm vận hành thông suốt, hiệu quả, minh bạch, cạnh tranh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế.

2. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng

- Chủ động phối hợp với các bộ, ngành Trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước để tranh thủ tối đa nguồn vốn ngân sách Trung ương, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn của doanh nghiệp nhà nước cho đầu tư kết cấu hạ tầng trên địa bàn tỉnh; huy động hợp lý vốn ODA, vốn vay ưu đãi, gắn với nâng cao hiệu quả quản lý, phân bổ và sử dụng nguồn vốn.

- Ưu tiên nguồn vốn ngân sách tỉnh cho các công trình hạ tầng quan trọng, chiến lược, có tính kết nối, lan tỏa, tạo động lực phát triển; trọng tâm là hạ tầng giao thông, hạ tầng Khu kinh tế Nghi Sơn, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, hạ tầng số, hạ tầng đô thị, hạ tầng khu vực miền núi và các công trình thiết yếu phục vụ dân sinh, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Đẩy mạnh xã hội hóa, đa dạng hóa hình thức đầu tư, huy động tối đa nguồn lực của các thành phần kinh tế tham gia phát triển kết cấu hạ tầng; khuyến khích đầu tư theo phương thức đối tác công tư, nhất là trong các lĩnh vực giao thông, công nghệ thông tin, y tế, giáo dục, cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, môi trường và dịch vụ đô thị.

- Tập trung thu hút nguồn vốn ngoài nhà nước đầu tư hệ thống cảng biển, cảng cạn, kho bãi, logistics, trang thiết bị bốc xếp hiện đại và các hạ tầng dịch vụ hỗ trợ vận tải, nhằm nâng cao năng lực lưu thông hàng hóa, giảm chi phí logistics và tăng sức cạnh tranh của tỉnh.

3. Tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, cải cách thủ tục hành chính; đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác vận động, xúc tiến đầu tư

3.1. Về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, cải cách thủ tục hành chính

- Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao các chỉ số PCI, PAPI và các chỉ số đo lường chất lượng điều hành, phục vụ người dân, doanh nghiệp; tạo môi trường thuận lợi, minh bạch, bình đẳng để thu hút các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính liên quan đến đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường, giải phóng mặt bằng và hoạt động của doanh nghiệp; kịp thời rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục, tháo gỡ rào cản, khó khăn, vướng mắc thuộc thẩm quyền của các sở, ngành, địa phương. Gắn trách nhiệm người đứng đầu với kết quả giải quyết công việc, bảo đảm nhanh chóng, công khai, minh bạch, đúng quy định, tạo niềm tin và sức hấp dẫn đối với nhà đầu tư.

- Tăng cường cung cấp, nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, đẩy mạnh số hóa hồ sơ, kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước; phát triển các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp trong tư vấn đầu tư, pháp lý, thị trường, quản trị, đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững.

3.2. Về đổi mới công tác vận động, xúc tiến đầu tư

- Đổi mới phương thức, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động kinh tế đối ngoại, xúc tiến đầu tư, hợp tác quốc tế theo hướng chủ động, chuyên nghiệp, có mục tiêu, trọng tâm, trọng điểm, gắn với định hướng phát triển của tỉnh và nhu cầu đầu tư hạ tầng. Duy trì, phát huy hiệu quả các thị trường, đối tác truyền thống; đồng thời, mở rộng thị trường mới, đối tác mới có tiềm năng, năng lực tài chính, công nghệ và kinh nghiệm quản trị.

- Đa dạng hóa hình thức xúc tiến đầu tư, chú trọng xúc tiến đầu tư tại chỗ, hỗ trợ nhà đầu tư trong suốt quá trình nghiên cứu, triển khai và vận hành dự án; kết hợp linh hoạt giữa xúc tiến đầu tư với xúc tiến thương mại, du lịch, quảng bá hình ảnh, tiềm năng, lợi thế của tỉnh.

- Thu hút đầu tư có chọn lọc, lấy chất lượng, hiệu quả, công nghệ, bảo vệ môi trường và đóng góp cho phát triển bền vững làm tiêu chí chủ yếu; ưu tiên các dự án có công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ sạch, quản trị hiện đại, giá trị gia tăng lớn, khả năng lan tỏa cao, kết nối với chuỗi sản xuất, cung ứng trong nước và toàn cầu; kiên quyết không thu hút các dự án sử dụng công nghệ lạc hậu, nguy cơ ô nhiễm môi trường, tiêu tốn tài nguyên, hiệu quả kinh tế - xã hội thấp.

4. Tập trung thực hiện tốt công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư để đẩy nhanh tiến độ các dự án hạ tầng

- Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết dứt điểm khó khăn, vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư, nhất là đối với các dự án hạ tầng trọng điểm, quy mô lớn, có tính kết nối và lan tỏa cao. Việc tổ chức thực hiện phải bảo đảm tập trung, thống nhất, rõ trách nhiệm, rõ tiến độ; phát huy vai trò người đứng đầu, sự phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ngành, địa phương và cơ quan chức năng; rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ, thủ tục nhưng phải đúng quy định của pháp luật.

- Thực hiện công khai, minh bạch, kịp thời các chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, nhà đầu tư và quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân. Đẩy mạnh tuyên truyền, đối thoại, vận động, giải thích đầy đủ về mục tiêu, ý nghĩa, lợi ích trước mắt và lâu dài của dự án; kịp thời nắm bắt, giải quyết kiến nghị chính đáng của Nhân dân, tạo sự đồng thuận cao trong quá trình triển khai thực hiện.

- Chủ động chuẩn bị quỹ đất tái định cư tại vị trí phù hợp, thuận lợi; đầu tư đồng bộ hạ tầng khu tái định cư, bảo đảm điều kiện sinh hoạt, sản xuất và ổn định đời sống Nhân dân sau di dời. Bố trí đầy đủ, kịp thời nguồn lực cho công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng; tập trung tháo gỡ vướng mắc phát sinh, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, chống đối, trục lợi chính sách, bảo đảm kỷ luật, kỷ cương và tiến độ triển khai dự án.

5. Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong phát triển kết cấu hạ tầng

- Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy, sự chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp trong phát triển kết cấu hạ tầng; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực và nâng cao năng lực tổ chức thực hiện. Đề cao trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, cơ quan chuyên môn và người đứng đầu trong quyết định chủ trương, tổ chức triển khai, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả các dự án hạ tầng.

- Thường xuyên rà soát, theo dõi, đánh giá tiến độ thực hiện các dự án đầu tư hạ tầng; kịp thời phối hợp, hỗ trợ nhà đầu tư tháo gỡ khó khăn trong quá trình triển khai. Kiên quyết xử lý, thu hồi các dự án chậm tiến độ kéo dài, không có khả năng

thực hiện, sử dụng đất kém hiệu quả, gây lãng phí tài nguyên, để giao cho nhà đầu tư có năng lực theo đúng quy định của pháp luật.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến sâu rộng chủ trương, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại trên địa bàn tỉnh; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân; tạo đồng thuận xã hội, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân trong tổ chức thực hiện.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Thường vụ Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện việc quán triệt, triển khai thực hiện Chương trình hành động; định hướng những nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm, những công trình, dự án có ý nghĩa chiến lược, tạo động lực phát triển nhanh và bền vững của tỉnh. Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc tổ chức thực hiện ở các cấp, các ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị; kịp thời chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, xử lý những vấn đề phát sinh, bảo đảm Chương trình hành động được triển khai nghiêm túc, thực chất, hiệu quả.

2. Đảng ủy HĐND tỉnh lãnh đạo Thường trực HĐND tỉnh, các ban của HĐND tỉnh phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan trong rà soát, thẩm tra, xem xét việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các cơ chế, chính sách về phát triển kết cấu hạ tầng thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh; bảo đảm các chính sách được ban hành đúng thẩm quyền, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với thực tiễn, có tính khả thi cao, tạo cơ sở pháp lý và nguồn lực thuận lợi cho việc triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình hành động.

3. Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh cụ thể hóa Chương trình hành động thành kế hoạch triển khai thực hiện đồng bộ, khả thi; xác định rõ danh mục nhiệm vụ, công trình, dự án trọng tâm, thứ tự ưu tiên, lộ trình, nguồn lực, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp và thời gian hoàn thành. Chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương tăng cường phối hợp trong chuẩn bị đầu tư, giải phóng mặt bằng, huy động nguồn lực, tổ chức thi công, quản lý chất lượng và tiến độ dự án; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, bảo đảm các nhiệm vụ, dự án hạ tầng được triển khai đúng định hướng, đúng quy định, hiệu quả, tránh dàn trải, lãng phí. Định kỳ tổng hợp tình hình, kết quả triển khai thực hiện Chương trình hành động, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh theo quy định.

4. Các đảng bộ xã, phường trực thuộc Tỉnh ủy tổ chức quán triệt, triển khai Chương trình hành động phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương; lãnh đạo UBND cấp xã xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kết cấu hạ tầng trên địa bàn. Chủ động rà soát nhu cầu đầu tư, quỹ đất, hiện trạng hạ tầng, các điểm nghẽn cần tháo gỡ; phối hợp với các sở, ngành trong triển khai các công trình, dự án, nhất là công tác quy hoạch, bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư, quản lý đất đai, trật tự xây dựng và bảo đảm sự đồng thuận của Nhân dân.

5. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến sâu rộng nội dung, mục tiêu, ý nghĩa của Chương trình hành động và kết quả phát triển kết cấu hạ tầng trên địa bàn tỉnh. Chú trọng tuyên truyền về các công trình, dự án trọng điểm, các cơ chế, chính sách liên quan trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp; kịp thời định hướng dư luận, tạo sự thống nhất trong nhận thức, đồng thuận trong xã hội, phát huy vai trò của Nhân dân trong tham gia giám sát, ủng hộ và phối hợp thực hiện.

6. Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; bí thư các đảng bộ xã, phường, bí thư các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy căn cứ chức trách, nhiệm vụ, lĩnh vực, địa bàn được phân công, trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức thực hiện Chương trình hành động tại ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị phụ trách. Chủ động nắm chắc tình hình, kịp thời chỉ đạo xử lý những khó khăn, vướng mắc; chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao.

7. Văn phòng Tỉnh ủy phối hợp với Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh và các cơ quan liên quan theo dõi, tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Chương trình hành động; phối hợp tham mưu, đề xuất xử lý những vấn đề thuộc thẩm quyền lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (b/c);
- Đảng ủy Chính phủ (b/c);
- Các Ban, UBKT, Văn phòng Trung ương Đảng (b/c);
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên;
- Các sở, ban, ngành, MTTQ, đoàn thể cấp tỉnh;
- Đảng ủy xã, phường, Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ**

Lê Đức Thái

Phụ lục 1:
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN LỚN, TRỌNG ĐIỂM ƯU TIÊN ĐẦU TƯ
TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
(Kèm theo Chương trình hành động số -CTr/TU ngày tháng năm 2026
của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh)

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Tên dự án	Dự kiến tổng mức đầu tư	Nhu cầu vốn giai đoạn 2026 - 2030		Thời gian thực hiện
			Vốn ngân sách trung ương	Vốn ngân sách tỉnh	
1	2	3	4	5	6
A	DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP				
I	HẠ TẦNG GIAO THÔNG	7.677		2.516	
1	Đường bộ ven biển đoạn Nga Sơn - Hoằng Hóa	1.919		290	Hoàn thành trong năm 2026
2	Đường nối thành phố Thanh Hóa với Cảng hàng không Thọ Xuân, đoạn từ cầu Nỏ Hèn đến ĐT.514	1.502		790	Hoàn thành trong năm 2028
3	Đường nối thành phố Thanh Hóa với Cảng hàng không Thọ Xuân, đoạn từ ĐT.514 đến đường vào cảng hàng không Thọ Xuân	1.837		929	Hoàn thành trong năm 2028
4	Đường giao thông nối Quốc lộ 217 với Quốc lộ 45 và Quốc lộ 47	921		351	Hoàn thành trong năm 2026
5	Đường giao thông từ ngã ba Voi (thành phố Thanh Hóa) đi TP. Sầm Sơn.	1.498		156	Hoàn thành trong năm 2026
II	HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐÔ THỊ	804		31	
	Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị Ngọc Lặc tỉnh Thanh Hóa thuộc dự án cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị nhằm giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu cho 04 tỉnh ven biển Bắc Trung Bộ	804		31	Hoàn thành trong năm 2026
III	HẠ TẦNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ CHUYÊN ĐỔI SỐ	539	175	364	
1	Đầu tư, nâng cấp mở rộng hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến phục vụ hoạt động của cấp ủy, chính quyền địa phương 2 cấp	126		126	Hoàn thành trong năm 2026
2	Xây dựng và triển khai hệ thống truyền thanh thông minh cho UBND cấp huyện, xã trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2025 - 2027	188		188	Hoàn thành trong năm 2026
3	Đầu tư, nâng cấp tổng thể Trung tâm dữ liệu và triển khai các phần mềm dùng chung tại Sở Khoa học và Công nghệ để đảm bảo hoạt động của chính quyền 2 cấp (giai đoạn 2)	225	175	50	Hoàn thành trong năm 2026
IV	HẠ TẦNG GIÁO DỤC	1.720	1.218	502	

STT	Tên dự án	Dự kiến tổng mức đầu tư	Nhu cầu vốn giai đoạn 2026 - 2030		Thời gian thực hiện
			Vốn ngân sách trung ương	Vốn ngân sách tỉnh	
1	2	3	4	5	6
1	Đầu tư nâng cấp các trường phổ thông nội trú tại các xã biên giới đất liền (16 xã)	1.218	1.218		2026-2030
2	Tiếp tục đầu tư các trường Trung học phổ thông đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư tại Công văn số 209/UBND-THĐT ngày 05/01/2024 (31 dự án)	502		502	2026-2030
V	HẠ TẦNG VĂN HÓA THỂ THAO	827	256	569	
1	Tu bổ, tôn tạo các hạng mục công trình Khu di tích Quốc gia đặc biệt Lam Kinh, xã Xuân Lam, tỉnh Thanh Hóa	82	79		2025-2027
2	Bảo tồn, tu bổ, phục hồi, tôn tạo một số hạng mục công trình thuộc khu vực thành nội Di sản văn hóa thế giới Thành Nhà Hồ, huyện Vĩnh Lộc (giai đoạn 1, thuộc nhóm dự án số 3)	746	177	569	2026-2030
B	DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI GIAI ĐOẠN 2026 - 2030				
I	HẠ TẦNG GIAO THÔNG	18.787	14.803	2.530	
1	Dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển đoạn Hoàng Thanh - Sầm Sơn và đoạn Tiên Trang - Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	3.340	1.103	949	2026-2029
2	Dự án đường giao thông nối từ đường bộ ven biển đến đường Hồ Chí Minh, tỉnh Thanh Hóa	5.700	5.700		2026-2030
3	Đầu tư xây dựng Quốc lộ 45 đoạn từ Quốc lộ 12B, tỉnh Ninh Bình đến trung tâm tỉnh Thanh Hóa	4.500	4.500		2026-2030
4	Đường từ nút giao Hà Lĩnh/Cao tốc Bắc - Nam đến đường Hồ Chí Minh (giai đoạn 1)	3.500	3.500		2026-2030
5	Đầu tư xây dựng cầu dân sinh để kết nối các khu vực dân cư thường xuyên bị chia cắt khi có thiên tai, mưa lũ trên địa bàn các xã khu vực miền núi (30 cầu)	794		794	2026-2030
6	Đầu tư xây dựng một số cầu bê tông cốt thép thay thế cầu treo bị hư hỏng, nguy cơ mất ATGT trên địa bàn một số xã trên địa bàn tỉnh	125		125	2026-2030
7	Đường nối từ tuyến đường bộ ven biển đi cửa Lạch Ghép	160		160	2026-2029
8	Đường nối QL217B với đường giao thông từ Khu công nghiệp Bim Sơn đến đường bộ ven biển đoạn Nga Sơn - Hoàng Hóa	550		385	2028-2031

STT	Tên dự án	Dự kiến tổng mức đầu tư	Nhu cầu vốn giai đoạn 2026 - 2030		Thời gian thực hiện
			Vốn ngân sách trung ương	Vốn ngân sách tỉnh	
1	2	3	4	5	6
9	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ cầu Yên Hoà đến đường tỉnh 516D, xã Định Tân	118		118	2026-2028
II	HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐÔ THỊ	1.173		822	
II.1	Các dự án xử lý ùn tắc giao thông một số phường trung tâm	950		665	
1	Dự án Đại lộ Đông Tây đoạn từ sông nhà Lê đến Quốc lộ 47	250		175	2028-2031
2	Nâng cấp, mở rộng ĐT.501 (đường Trường Thi - Hàm Rồng)	700		490	2028-2031
II.2	Dự án cấp bách chống ngập cục bộ một số phường trung tâm	223	-	157	
1	Xử lý các điểm ngập úng khu vực Trung tâm thành phố Thanh Hóa cũ (Ngã tư Bưu điện tỉnh, các đường: Hàn Thuyên, Lê Quý Đôn, Dương Đình Nghệ, Hải Thượng Lãn Ông và nạo vét kênh tiêu Mật Sơn)	15		15	2026 - 2027
2	Xử lý ngập úng khu dân cư hiện trạng các phường Đông Sơn, Quảng Thành, Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa (cũ)	20		20	2026 - 2027
3	Xử lý ngập lụt cục bộ và bảo vệ, chỉnh trang cây xanh đô thị trên địa bàn phường Hạc Thành	13		13	2026 - 2027
4	Xử lý ngập úng (Khu vực phường Tân Sơn và khu dân cư Phú Thọ 3, phường Phú Sơn)	175		123	2028-2031
III	HẠ TẦNG KHU KINH TẾ, KHU CÔNG NGHIỆP, CỤM CÔNG NGHIỆP	1.150		494	
III.1	Hạ tầng khu kinh tế Nghi Sơn	825		267	
	Đầu tư tuyến đường từ đường tỉnh 529 đi nút giao cao tốc Bắc Nam tại xã Trường Lâm	825		267	2029-2032
III.2	Hạ tầng khu công nghiệp	325		228	
	Đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng trong KCN Tây Bắc Ga	325		228	2027-2030
IV	HẠ TẦNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ	266	150	116	
1	Xây dựng/thuê hạ tầng điện toán đám mây cho cài đặt và lưu trữ dữ liệu của Kho CSDL dùng chung (Big Data, AI)	150	150		2026 - 2028
2	Dự án tăng cường hạ tầng CNTT cho các sở, ban, ngành và UBND cấp xã giai đoạn 2026-2030	100		100	2027-2029
3	Xây dựng, hoàn thiện Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh (IOC) của tỉnh	16		16	2026-2028

STT	Tên dự án	Dự kiến tổng mức đầu tư	Nhu cầu vốn giai đoạn 2026 - 2030		Thời gian thực hiện
			Vốn ngân sách trung ương	Vốn ngân sách tỉnh	
1	2	3	4	5	6
V	HẠ TẦNG NĂNG LƯỢNG				
	Các dự án kho dự trữ dầu thô, khí đốt				
	Kho dự trữ quốc gia đối với dầu thô, quy mô 01 triệu tấn tại KKT Nghi Sơn		NSTW		2026 -2030
VI	HẠ TẦNG THỦY LỢI, ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU	11.453	9.312	2.106	
1	Hiện đại hóa hệ thống cấp nước Bái Thượng thích ứng với Biến đổi khí hậu (vốn vay ADB)	2.106	866	1.240	2026-2030
2	Cơ sở hạ tầng nước có khả năng chống chịu khí hậu và toàn diện cho các hộ sản xuất nhỏ ở nông thôn tỉnh Thanh Hóa, sử dụng vốn vay của IFAD và viện trợ không hoàn lại của AF	795	335	460	2026-2030
3	Thủy lợi kết hợp thủy điện Cẩm Hoàng trên sông Mã	8.000	8.000		2026-2030
4	Xây dựng trạm bơm tiêu Quảng Châu và mở rộng cống Quảng Châu	200		165	2028-2031
5	Đầu tư xây dựng mới cống Ngọc Quang tại K16+300 đê tả sông Chu, xã Xuân Lập	130		130	2027-2029
6	Xử lý, khắc phục công trình kè bờ biển Hải Tiến, xã Hoằng Tiến	222	111	111	2026-2027
VII	HẠ TẦNG Y TẾ	1.407		1.107	
1	Xây dựng Bệnh viện Tâm thần Thanh Hóa	667		467	2028-2031
2	Mở rộng Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa	500		400	2026-2030
3	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Đa khoa Quan Hóa	120		120	2026-2030
4	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Đa khoa Bá Thước	120		120	2026-2030
VIII	HẠ TẦNG GIÁO DỤC	2.448		2.448	
1	Hoàn thiện cơ sở vật chất trường THPT chuyên Lam Sơn	467		467	2026-2030
2	Kế hoạch đầu tư bổ sung, nâng cấp cơ sở vật chất xây dựng trường học giai đoạn 2026 - 2030	1.381		1.381	2026-2030
3	Đầu tư thiết bị dạy học; nâng cấp hạ tầng CNTT phục vụ công tác quản lý, dạy học, tuyển sinh... đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong giáo dục	500		500	2026-2030
4	Xây dựng Phân hiệu Đại học Y Hà Nội	100		100	2027-2030
IX	HẠ TẦNG VĂN HÓA THỂ THAO	115		92	

STT	Tên dự án	Dự kiến tổng mức đầu tư	Nhu cầu vốn giai đoạn 2026 - 2030		Thời gian thực hiện
			Vốn ngân sách trung ương	Vốn ngân sách tỉnh	
1	2	3	4	5	6
1	Tu bổ, tôn tạo các hạng mục: Tả vu, Hữu vu, đường dạo 2 bên sông Ngọc, hạ tầng kỹ thuật thuộc Khu di tích Quốc gia đặc biệt Lam Kinh, xã Xuân Lam, tỉnh Thanh Hóa	115		92	2028-2031
C	DỰ ÁN NGHIÊN CỨU CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030				
I	HẠ TẦNG GIAO THÔNG	38.335			
1	Các dự án kết nối liên vùng	20.350			
-	Đường vành đai 3 nhánh Đông đoạn từ xã Hoàng Hóa đến xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa	10.500			
-	Dự án Đường giao thông kết nối liên vùng từ đường Hồ Chí Minh tỉnh Thanh Hóa đến Quốc lộ 6 và đường cao tốc CT.03 tỉnh Sơn La	9.850			
2	Các dự án kết nối nút giao đường bộ cao tốc, ga đường sắt cao tốc	15.485			
-	Đường nối các phường trung tâm của tỉnh với nút giao đường bộ cao tốc Thiệu Giang	1.800			
-	Đường nối Quốc lộ 1 với đường Ven biển đoạn từ xã Hoàng Phú đến xã Hoa Lộc	1.000			
-	Đường từ nút giao cao tốc Vạn Thiện đi khu du lịch Tiên Trang	1.685			
-	Đầu tư mở rộng đường vành đai phía Tây	3.000			
-	Đường nối ga hàng hóa đường sắt tốc độ cao với cảng Nghi Sơn	8.000			
3	Các dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng quốc lộ	2.500			
-	Nâng cấp, cải tạo Quốc lộ 217B	2.500			
II	HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐÔ THỊ	2.500			
II.1	Các dự án xử lý ùn tắc giao thông một số phường trung tâm	1.500			
1	Đầu tư các công trình để giảm ùn tắc khu vực thành phố Thanh Hóa, gồm: Đường Đình Nghệ - Đội Cung - Mai An Tiêm/Hàm Nghi...	1.000			
2	Đầu tư xây dựng 02 công trình cầu kết nối 02 bên bờ sông Hạc, phường Hạc Thành	150			
3	Cầu vượt nút giao khu vực ngã năm Đình Hương trên Vành đai phía Tây	350			
II.2	Dự án cấp bách chống ngập cục bộ một số phường trung tâm	1.000			

STT	Tên dự án	Dự kiến tổng mức đầu tư	Nhu cầu vốn giai đoạn 2026 - 2030		Thời gian thực hiện
			Vốn ngân sách trung ương	Vốn ngân sách tỉnh	
1	2	3	4	5	6
	Dự án chống ngập lụt tổng thể các phường trung tâm của tỉnh	1.000			
III	HẠ TẦNG KHU KINH TẾ, KHU CÔNG NGHIỆP, CỤM CÔNG NGHIỆP	7.569			
	Hạ tầng khu kinh tế Nghi Sơn	7.569			
1	Tuyến đường bộ ven biển đoạn tuyến từ điểm cuối tuyến đường Đô thị động lực đến đường Bắc Nam 1B	1.581			
2	Tuyến giao thông từ đường Nghi Sơn - Thọ Xuân đi Cảng Nghi Sơn	2.550			
3	Đường giao thông từ Quốc lộ 1A kết nối Khu công nghiệp số 20, 21, 22 với đường Nghi Sơn - Thọ Xuân	2.038			
4	Cải tạo, nâng cấp đường 512 kéo dài đoạn từ nút giao đường Sao Vàng- Nghi Sơn đến đường 529	1.400			
IV	HẠ TẦNG THỦY LỢI, ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU	2.962			
1	Cải tạo, nâng cấp hệ thống tiêu thủy sông Hoàng	420			
2	Cải tạo, nâng cấp hệ thống tiêu sông Lý tỉnh Thanh Hóa	200			
3	Cải tạo, nâng cấp hệ thống tiêu thoát lũ sông Nhơ	450			
4	Đầu tư xây dựng mới tuyến đê hữu Sông Mã đoạn từ Quý Lộc - Yên Lâm.	300			
5	Xây dựng mới đê tả Sông Lèn từ K32 xã Nga Bạch đến đê biển xã Nga Thủy	457			
6	Sửa chữa, nạo vét kênh tiêu thoát nước từ hồ Cầu Mùn đến cầu Đá Bàn, xã Vân Du, tỉnh Thanh Hóa	100			
7	Tiêu thoát khu vực các xã vùng Bắc sông Chu - Nam sông Mã thuộc danh mục ưu tiên đầu tư của Đề án Nghiên cứu các giải pháp tiêu úng cho khu vực các xã vùng Bắc sông Chu - Nam sông Mã	245			
8	Cụm trạm bơm tiêu Lưu - Phong - Châu	300			
9	Đầu tư công trình và nạo vét nâng cao năng lực tiêu cho các sông, trục tiêu chính trên địa bàn tỉnh (sông Cầu Chày, sông Hoạt, sông Mậu Khê)	290			

STT	Tên dự án	Dự kiến tổng mức đầu tư	Nhu cầu vốn giai đoạn 2026 - 2030		Thời gian thực hiện
			Vốn ngân sách trung ương	Vốn ngân sách tỉnh	
1	2	3	4	5	6
10	Đầu tư, nâng cấp tuyến đê hữu sông Cầu Chày trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	200			
V	HẠ TẦNG Y TẾ	1.628			
1	Xây dựng Nhà khám chữa bệnh Bệnh viện Đa khoa Yên Định	200			
2	Xây dựng Nâng cấp Bệnh viện Đa khoa Lang Chánh	120			
3	Đầu tư xây dựng Bệnh viện Đa khoa Thọ Xuân	200			
4	Xây dựng Nhà khám bệnh - cận lâm sàng - cấp cứu hồi sức, Bệnh viện Đa khoa Như Xuân	120			
5	Xây dựng nhà điều trị và các hạng mục phụ trợ Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Thanh Hóa	70			
6	Xây dựng Bệnh viện Đa khoa Nông Cống	150			
7	Xây dựng Nhà khám và Điều trị nội trú, Bệnh viện Nội tiết Thanh Hóa	182			
8	Xây dựng nhà điều trị và các phòng chức năng, Bệnh viện Đa khoa Nghi Sơn	240			
9	Xây dựng Nâng cấp Bệnh viện Đa khoa Thạch Thành	120			
10	Xây dựng nhà khám, chữa bệnh và điều trị nội trú Bệnh viện Đa khoa Cẩm Thủy	226			
VI	HẠ TẦNG VĂN HÓA THỂ THAO	3.300			
1	Bảo tàng tỉnh Thanh Hóa	700			
2	Trung tâm văn hoá tỉnh	500			
3	Khu Liên hiệp thể dục thể thao tỉnh (bao gồm: Sân Vận động tỉnh, khu thể thao dưới nước, nhà thi đấu tỉnh,...)	2.100			

Phụ lục 2:
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN LỚN, TRỌNG ĐIỂM ĐẦU TƯ TỪ
NGUỒN VỐN NGOÀI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2026-2030
(Kèm theo Chương trình hành động số -CTr/TU ngày tháng năm 2026
của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh)

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Tên dự án	Dự kiến TMDT	Thời gian thực hiện
A	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP		
I	HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐÔ THỊ		
	Các dự án xử lý rác thải, nước thải		
1	Dự án đốt rác thải sinh hoạt và rác thải công nghiệp thông thường phát điện Bim Sơn, Thanh Hóa (quy mô 1000 tấn/ngày; công suất phát điện 18MW)	100 triệu USD	Hoàn thành trong năm 2026
2	Nhà máy xử lý chất thải rắn thành phố Sầm Sơn tại phường Nam Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa (công suất 300 tấn/ngày).	242	Hoàn thành trong năm 2026
3	Dự án đốt rác thải sinh hoạt phát điện Nghi Sơn, Thanh Hóa (quy mô 620 tấn/ngày công suất phát điện 12 MW)	1.500	Hoàn thành trong năm 2027
II	HẠ TẦNG KHU KINH TẾ, KHU CÔNG NGHIỆP, CỤM CÔNG NGHIỆP		
II.1	Hạ tầng khu kinh tế Nghi Sơn		
1	Cảng Container Long Sơn	2.400	2023-2030
2	Cảng tổng hợp Long Sơn	2.300	Hoàn thành trong năm 2027
3	Khu bến container 2	2.151	Hoàn thành trong năm 2027
II.2	Hạ tầng khu công nghiệp		
	<i>Khu công nghiệp ngoài Khu kinh tế</i>		
1	Khu công nghiệp Lam Sơn - Sao Vàng	3.225	Hoàn thành trong năm 2027
2	Khu công nghiệp WHA Smart Technology (Khu công nghiệp Phú Quý)	1.320	Hoàn thành trong năm 2027
3	Khu công nghiệp WHA Smart Technology 2 (Khu công nghiệp Giang Quang Thịnh)	1.450	Hoàn thành trong năm 2027
4	Khu công nghiệp Thăng Long Thanh Hóa (Giai đoạn 1)	2.918	Hoàn thành trong năm 2027
	<i>Khu công nghiệp trong Khu kinh tế</i>		
5	Khu công nghiệp số 3	1.102	Hoàn thành trong năm 2026
6	Khu công nghiệp Đồng Vàng	2.400	Hoàn thành trong năm 2027

STT	Tên dự án	Dự kiến TMDT	Thời gian thực hiện
7	Khu công nghiệp Luyện kim	1.000	Hoàn thành trong năm 2027
III	HẠ TẦNG NĂNG LƯỢNG		
	Các dự án nguồn điện		
1	Dự án Nhà máy thủy điện Sông Âm (14MW)	522	Hoàn thành trước năm 2028
2	Dự án Nhà máy thủy điện Tén Tán (12MW)	418	Hoàn thành trước năm 2028
3	Dự án Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt phát điện Thanh Hóa (18MW)		Hoàn thành trước năm 2028
4	Dự án Thủy điện Hồi Xuân (102MW)		Hoàn thành trước năm 2028
5	Nhà máy Điện rác Nghi Sơn (20MW)		2026-2030
6	Nhà máy điện mặt trời Thanh Hóa I (128MW)		2026-2030
IV	HẠ TẦNG THƯƠNG MẠI		
1	Trung tâm thương mại Aeon Mall Thanh Hóa	4.157	Hoàn thành trước năm 2030
2	Kho xăng dầu Petrolimex Thanh Hóa	300	Hoàn thành trong năm 2029
3	Kho LPG Nghi Sơn, Thanh Hóa	350	Hoàn thành trong năm 2029
V	HẠ TẦNG DU LỊCH		
1	Khu du lịch sinh thái Tân Dân	11.096	Hoàn thành trong năm 2027
2	Khu phức hợp khách sạn, trung tâm thương mại của Công ty cổ phần ORG tại xã Quảng Nham, huyện Quảng Xương (nay là xã Quảng Nham)	4.969	Hoàn thành trong năm 2027
3	Khu du lịch sinh thái biển và nghỉ dưỡng Flamingo Linh Trường (khu A)	3.197	Hoàn thành trong năm 2026
4	Sân golf tại xã Quảng Nham (nay là xã Tiên Trang)	1.616	Hoàn thành trong năm 2027
5	Quần thể khu du lịch Am Tiên	9.600	2026-2030
B	DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI, THU HÚT ĐẦU TƯ		
I	HẠ TẦNG GIAO THÔNG		
I.1	Về hạ tầng hàng không		
1	Đường cất hạ cánh số 2 cảng hàng không Thọ Xuân	3.815	2026-2030
2	Nâng cấp nhà ga T2 cảng hàng không Thọ Xuân	4.200	2026-2030
I.2	Về hạ tầng cảng biển và giao thông đường thủy nội địa		
1	Đầu tư cảng Quảng Châu	500	2026-2030
2	Đầu tư xây dựng cảng Quảng Nham - Hải Châu	700	2026-2030

STT	Tên dự án	Dự kiến TMDT	Thời gian thực hiện
3	Đầu tư xây dựng cảng Lạch Sung	2.000	2026-2030
4	Đầu tư xây dựng công trình Nạo vét luồng tàu vào khu bến cảng Nghi Sơn, khu kinh tế Nghi Sơn	5.225	2026-2030
I.3	VỀ HẠ TẦNG LOGISTICS		
1	Trung tâm logistics cấp vùng tại Khu kinh tế Nghi Sơn (Trung tâm Logistics Trường Lâm kết hợp cảng cạn ICD và ga đường sắt)		2026-2030
2	Trung tâm Logistics cấp tỉnh tại khu vực phía Tây thành phố Thanh Hóa		2026-2030
3	Trung tâm Logistics cấp tỉnh tại Khu đô thị Lam Sơn - Sao Vàng		2026-2030
II	HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐÔ THỊ		
	Các dự án xử lý rác thải, nước thải		
	Dự án Khu xử lý chất thải tập trung cấp vùng tại xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa (Công suất 1.000 tấn/ngày.đêm kết hợp phát điện, công suất 12 MW)	1.271	2026-2030
III	HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP		
	<i>Khu công nghiệp ngoài Khu kinh tế</i>		
1	Khu công nghiệp Tân Cảng Thanh Hóa (Khu công nghiệp Lưu Bình)	1.969	2026-2030
2	Khu công nghiệp an ninh gắn với Cảng biển Nghi Sơn	10.000	2026-2030
3	Các KCN thuộc Quy hoạch tỉnh		
	<i>Khu công nghiệp trong Khu kinh tế</i>		
4	Khu công nghiệp số 1	1.117	2026-2030
5	Khu công nghiệp số 16	2.995	2026-2030
6	Khu công nghiệp điện tử (KCN số 17)	5.751	2026-2030
7	Khu công nghiệp số 19	2.360	2026-2030
8	Khu công nghiệp dược phẩm công nghệ cao Việt Nam - Ấn Độ (Khu công nghiệp số 20)	1.473	2026-2030
9	KCN Miza (Khu công nghiệp số 5)	1.497	2026-2030
III.3	Hạ tầng cụm công nghiệp		
	Các dự án đầu tư hạ tầng CCN theo Quy hoạch tỉnh		2026-2030
IV	HẠ TẦNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ		
1	Khu kinh tế số và đổi mới sáng tạo tỉnh Thanh Hóa (theo mô hình hệ sinh thái công nghệ số và đổi mới sáng tạo đa phân khu, gắn các cực tăng trưởng và lợi thế không gian phát triển của tỉnh).		2026-2030
2	Đầu tư xây dựng hạ tầng viễn thông, trạm phủ sóng 5G đến các khu dân cư		2026-2030
V	HẠ TẦNG NĂNG LƯỢNG		

STT	Tên dự án	Dự kiến TMDT	Thời gian thực hiện
V.1	Các dự án nguồn điện		
1	Nhà máy nhiệt điện LNG Nghi Sơn (1.500MW)	55.000	2026-2030
2	Nhà máy điện rác Thọ Xuân (12 MW)	1.200	2026-2030
3	Nhà máy nhiệt điện LNG Công Thanh (1.500MW)	63.360	2026-2030
4	Nhà máy điện gió Mường Lát (200MW)	8.000	2026-2030
5	Nhà máy điện gió Bắc Phương - Nghi Sơn (100MW)	4.000	2026-2030
6	Nhà máy điện gió Hoằng Hóa (115MW)	4.600	2026-2030
7	Nhà máy điện gió Thái Hải Hùng (30MW)	1.200	2026-2030
8	Nhà máy thủy điện Mường Mìn	650	2026-2030
9	Nhà máy thủy điện Xuân Khao	375	2026-2030
10	Nhà máy thủy điện Mường Lát	2.250	2026-2030
11	Nhà máy thủy điện tích năng Sông Mực - Đồng Lớn	5.500	2026-2030
12	Nhà máy thủy điện Yên Mỹ - Bồng Bồng	825	2026-2030
13	Nhà máy điện mặt trời Yên Mỹ I	2.200	2026-2030
14	Nhà máy điện mặt trời Long Sơn - Thanh Hóa	2.200	2026-2030
15	Điện sinh khối Thanh Hóa I	3.125	2026-2030
16	Điện sinh khối Thanh Hóa II	3.750	2026-2030
V.2	Các dự án trạm biến áp và lưới điện theo điều chỉnh Quy hoạch điện VIII		
1	Cải tạo nâng công suất các trạm biến áp 500 kV: TBA Nghi Sơn (1800 MVA); TBA Thanh Hóa (1800 MVA)		2026-2030
2	Xây mới các đường dây 500 kV: Sam Nuea - Trạm cắt Hòa Bình 2; Vũng Áng - Trạm cắt Hòa Bình 2; LNG Nghi Sơn - Hưng Yên 2		2026-2030
3	Xây mới các trạm biến áp 220 kV: TBA Sầm Sơn (500 MVA); TBA Lọc hoá dầu Nghi Sơn (500 MVA); TBA Hậu Lộc (500 MVA); TBA Đồng Vàng (500 MVA)		2026-2030
4	Xây mới, cải tạo các đường dây 220kV: Thanh Hóa 500 kV - Sầm Sơn; 500 kV Thanh Hóa - Hậu Lộc; NĐ Nam Định 500 kV - Hậu Lộc; Đồng Vàng - Rẽ NĐ Nghi Sơn - Nông Công; NĐ Nghi Sơn - Rẽ Nông Công - Quỳnh Lưu; Thanh Hóa 500 kV - Bim Sơn (cải tạo); Đường dây đấu nối TBA 220 kV Lọc hoá dầu Nghi Sơn		2026-2030
V.3	Các dự án kho dự trữ dầu thô, khí đốt		
	Kho khí LNG tại Khu kinh tế Nghi Sơn		2026-2030
VI	HẠ TẦNG Y TẾ		
	Thu hút đầu tư cơ sở y tế chất lượng cao (thu hút từ 01 - 03 bệnh viện quy mô từ 100 đến 250 giường bệnh/Bệnh viện) tại phường Đông Quang, tỉnh Thanh Hóa		2026-2030
VII	HẠ TẦNG DU LỊCH		
1	Khu du lịch sinh thái hồ Yên Mỹ	20.700	2026-2030

STT	Tên dự án	Dự kiến TMDT	Thời gian thực hiện
2	Khu du lịch sinh thái Trường Lâm	6.210	2026-2030
3	Khu du lịch sinh thái Đảo Mê	2.300	2026-2030
4	Đầu tư khách sạn cao cấp tiêu chuẩn quốc tế tại KKT Nghi Sơn	2.300	2026-2030
5	Sân golf và tổ hợp nghỉ dưỡng tại huyện Hà Trung cũ	4.100	2026-2030
6	Khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái kết hợp các dịch vụ vui chơi giải trí cao cấp Bến En	5.000	2026-2030
7	Khu du lịch sinh thái Xuân Liên	2.500	2026-2030
8	Khu nghỉ dưỡng Cẩm Lương	3.000	2026-2030
9	Khu du lịch Hoàng Phụ	5.000	2026-2030
10	Khu du lịch Lam Kinh	3.000	2026-2030